

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2017
V/v “*Không công nhận
quan hệ vợ, chồng*”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Kim Phượng

2. Ông Nguyễn ThA Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 171/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2017 về việc “*TrA chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thu C**, sinh năm 1968 (Có mặt)

Bị đơn: ông **Đặng Tuấn A**, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 7, Kp P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 27/7/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thu C trình bày:

Bà và ông Đặng Tuấn A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 đến năm 1999 ông Tuấn A nói là đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước (Nay là xã M huyện C, tỉnh Bình Phước) nhưng bà không có

đến Ủy ban nhân dân xã M để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Khi làm thủ tục ly hôn, bà xin cấp trích lục kết hôn thì phòng Tư pháp huyện C có công văn trả lời: Sổ đăng ký kết hôn năm 1999 của UBND xã M đang lưu trữ tại phòng Tư pháp huyện C không ghi lưu trường hợp kết hôn nào của bà và ông Tuấn A. Bà và ông Tuấn A chung sống với nhau hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Tuấn A thường xuyên uống rượu say xin đánh đập bà. Bà và ông Tuấn A đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn bà yêu cầu ly hôn với ông Đặng Tuấn A.

- *Về con chung*: Bà và ông Tuấn A có 02 con chung tên: Đặng Thị Cẩm T, sinh năm 1992 và Đặng Tuấn T, sinh ngày 04/5/1999. Hiện nay, các con đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động bà không có yêu cầu gì.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà và ông Tuấn A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* *Phần trình bày của bị đơn ông Đặng Tuấn A*:

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đặng Tuấn A vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2017 ông Tuấn A trình bày: Ông và bà Lê Thị Thu C tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1991. Đến năm 1999 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước (Nay là Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước). Tuy nhiên, ông không biết tại sao Phòng Tư pháp huyện C xác nhận tại công văn số 108/PTP ngày 25/7/2017 là sổ đăng ký kết hôn năm 1999 của Ủy ban nhân dân xã M không ghi lưu trường hợp kết hôn của ông và bà C, ông không có ý kiến gì về việc trên. Ông và bà C sống hạnh phúc hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bà C có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, thỉnh thoảng có đánh nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Về con chung ông thống nhất ông và bà C có 02 con chung như bà C đã trình bày. Nay bà C yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông muốn vợ chồng hòa giải, hàn gắn với nhau.

Trong trường hợp Tòa án thu thập chứng cứ xác định mâu thuẫn giữa ông và bà C trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc và cho bà C ly hôn với ông thì về con

chung ông không có yêu cầu gì vì hai con hiện nay đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận nguyên đơn bà Lê Thị Thu C và bị đơn ông Đặng Tuấn A là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Lê Thị Thu C (sau đây gọi tắt là bà C) khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Đặng Tuấn A (sau đây gọi tắt là ông Tuấn A) theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Đặng Tuấn A hiện đang cư trú tại Tổ 7, Kp P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Tuấn A có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Tuấn A.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà C và ông Tuấn A đều thống nhất kết hôn vào năm 1991 đến năm 1999 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước (Nay là Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước). Tuy nhiên, bà C không có đến Ủy ban nhân dân xã để làm thủ tục kết hôn theo quy định. Bà C và ông Tuấn A không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Đồng thời tại công văn số 108/PTP ngày 25/7/2017 của phòng Tư pháp huyện C và Biên bản xác minh ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B tại phòng Tư pháp

huyện C xác định: Sổ đăng ký kết hôn năm 1999 của Ủy ban nhân dân xã M đang lưu trữ tại phòng Tư pháp huyện C không ghi lưu trường hợp kết hôn của nào bà C và ông Tuấn A. Do đó, không có cơ sở xác định bà C và ông Tuấn A có đăng ký kết hôn vào năm 1999. Bà C và ông Tuấn A chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay. Quá trình chung sống, tuy có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình “*Nam nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng.....*”. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Tuấn A không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Xác định nguyên nhân mâu thuẫn*: Bà C và ông Tuấn A đều thừa nhận. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn với nhau, thường xuyên cãi vã và có lúc đánh nhau. Bà C và ông Tuấn A đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B tại khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước thể hiện: Bà C và ông Tuấn A chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã và đánh nhau. Nội dung Biên bản xác minh trên phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn bà C và bị đơn ông Tuấn A.

[4] *Căn cứ pháp lý*: Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn làm cho cuộc sống chung trở nên trầm trọng, tình cảm của bà C và ông Tuấn A không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, tuyên bố không công nhận bà C và ông Tuấn A là vợ chồng.

[5] *Về con chung*: Bà C và ông Tuấn A có 02 con chung là: Đặng Thị Cẩm Thu, sinh năm 1992 và Đặng Tuấn ThA, sinh ngày 04/5/1999. Hiện nay đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động, C và ông Tuấn A không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà C và ông Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, tuyên bố không công nhận bà C và ông Tuấn A là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, nguyên đơn bà Lê Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Đặng Tuấn A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, các Điều 56, 57, Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu C.

Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Thu C, sinh năm 1968 và ông Đặng Tuấn A, sinh năm 1966 là vợ chồng.

2/ *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

3/ *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Lê Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003838 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Ông Đặng Tuấn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Hữu Đức